TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2018/DS-ST
Ngày: 09 - 11 - 2018.
V/v tranh chấp
"Hợp đồng góp hụi
và vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Minh.

Bà Trương Thị Kim Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 618/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 327/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh B, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Ấp H, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Ánh N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp A, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Ấp A, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2018 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B trình bày:

Năm 2014, bà có tham gia chơi hụi do bà Võ Thị Ánh N làm thảo hụi, cụ thể các dây hụi như sau:

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng gồm 19 phần, khui ngày 05/4/2014, bà tham gia 01 phần, đóng được 16 kỳ. Số tiền đã góp là 16.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng gồm 22 phần, khui ngày 10/2/2015, bà tham gia 02 phần, đóng được 6 kỳ. Số tiền đã góp là 12.000.000 đồng.

Tổng cộng 2 dây hụi bà tham gia và góp được số tiền là 28.000.000đồng.

Ngoài ra, bà N còn mượn của bà số tiền 23.000.000đồng, trả được 3.000.000đồng, còn lại 20.000.000đồng. Năm 2015 thì bà N bị vỡ hụi, tổng cộng bà N nợ bà B số tiền hụi và nợ là 48.000.000đồng.

Việc bà N làm thảo hụi và vay tiền của bà B, chồng bà N là ông Phạm Văn N cũng biết nên bà B khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Ánh N và ông Phạm Văn N liên đới trả cho bà B số tiền hụi là 28.000.000 đồng; và tiền vay là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bà B không còn yêu cầu gì khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2018 bị đơn bà Võ Thị Ánh N trình bày: Bà B có tham gia hụi do bà làm thảo hụi, các dây hụi đúng như bà B trình bày, ngoài ra bà có mượn của bà B số tiền 23.000.000 đồng, bà đã trả được số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Việc bà làm thảo hụi và vay tiền của bà B, chồng bà là ông Phạm Văn N cũng biết, nay bà và ông N đồng ý liên đới trả cho bà B số tiền hụi còn nợ là 28.000.000 đồng và số tiền vay là 20.000.000 đồng như yêu cầu của bà B. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, bà đề nghị được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 200.000đồng cho đến khi hết số tiền.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/10/2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N trình bày: Ông là chồng của bà Võ Thị Ánh N, ông thống nhất với lời trình bày của bà N. Ông đồng ý cùng với bà N liên đới trả cho bà B số tiền số tiền hụi còn nợ là 28.000.000 đồng và số tiền vay là 20.000.000 đồng như yêu cầu của bà B. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, ông đề nghị được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 200.000đồng cho đến khi hết số tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, thấy rằng, các đương sự thống nhất số tiền hụi và vay bà N, ông N còn nợ bà B là 48.000.000 đồng. Về cách thức thanh toán, bà N, ông N đề nghị trả dần mỗi tháng 200.000 đồng, bà B không đồng ý, do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc bà N, ông N liên đới trả cho bà B một lần số tiền 48.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Xét thấy, bà Trần Thị Thanh B khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Ánh N, ông Phạm Văn N trả số tiền hụi là 28.000.000 đồng và vay là 20.000.000đồng. Quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Võ Thị Ánh N có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị Ánh N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N có yêu cầu vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không hòa giải, bị đơn bà Võ Thị Ánh N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N có đề nghị xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

[2]. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thấy rằng bà B có tham gia hai dây hụi do bà Võ Thị Ánh N làm thảo hụi, gồm:

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng gồm 19 phần, khui ngày 05/4/2014, bà tham gia 01 phần, đóng được 16 kỳ. Số tiền đã góp là 16.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng gồm 22 phần, khui ngày 10/2/2015, bà Giang tham gia 02 phần, đóng được 6 kỳ. Số tiền đã góp là 12.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi bà B đã góp là 28.000.000đồng.

Ngoài ra, bà N còn mượn của bà số tiền 23.000.000đồng, trả được 3.000.000đồng, còn lại 20.000.000đồng. Bà B và bà N thống nhất về các dây hụi và tổng số tiền hụi, số tiền vay, nên được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về trách nhiệm liên đới: Nguyên đơn yêu cầu bà Võ Thị Ánh N và chồng là ông Phạm Văn N liên đới trả số tiền hụi và vay. Bà Võ Thị Ánh N và ông Phạm Văn N xác nhận ông N có biết việc bà N làm thảo hụi và vay tiền của bà B; đồng ý liên đới trả tiền cho bà B nên có căn cứ xem xét trách nhiệm liên đới của bà N và ông N.

[4]. Bà N và ông N đề nghị được trả số tiền hụi và vay còn nợ theo phương thức trả dần mỗi tháng 200.000đồng do hoàn cảnh khó khăn, bà B không đồng ý và yêu cầu trả một lần toàn bộ số tiền trên. Xét thấy, thời gian của các dây hụi và vay tiền cũng đã lâu; do đó để đảm bảo quyền lợi cho bà B cần buộc bà Võ Thị Ánh N và ông Phạm Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B một lần số tiền hụi và vay còn nợ.

Từ những phân tích [2], [3], [4], xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[5]. Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B không yêu cầu lãi suất phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về án phí: Bà N và ông N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 273, khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 288, 471, 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh B đối với bà Võ Thị Ánh N và ông Phạm Văn N về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và vay tài sản".

Buộc bà Võ Thị Ánh N và ông Phạm Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Thanh B số tiền 48.000.000 đồng – Bốn mươi tám triệu đồng (trong đó tiền hụi là 28.000.000 đồng, tiền vay là 20.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Võ Thị Ánh N và ông Phạm Văn N có trách nhiệm liên đới chịu 2.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho bà Trần Thị Thanh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 700.000đồng theo biên lai thu số 0003397 ngày 26/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Võ Thị Ánh N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thảnh